BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30/2020/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

"3. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Bộ Giao thông vận tải yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

"4. Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng

một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 18 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

3. Sửa đổi tên Điều 17 và sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thủ tục giao đất tại cảng hàng không, sân bay”

b) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 17 như sau:

“c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;”.

4. Sửa đổi tên Điều 18 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 18 như sau:

“Điều 18. Thủ tục cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 18 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

"3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

"4. Sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.".

5. Sửa đổi tên Điều 20 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 20 như sau:

"**Điều 20. Gia hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay"**

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 20 như sau:

"b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất; chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật của năm gần nhất;".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

"4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định gia hạn cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 20 như sau:

"5. Sau thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"Điều 26. Yêu cầu đối với giao thông trong cảng hàng không, sân bay

1. Đường giao thông trong cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Đường giao thông nội bộ trong sân bay;

b) Đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng, bảo trì, sửa chữa đường giao thông nội bộ trong sân bay và đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không.

3. Giao thông trong sân bay tuân thủ theo tài liệu khai thác sân bay.".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 36 như sau:

"b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 như sau:

"2. Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay, bao gồm các nội dung sau:

a) Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận;

c) Danh mục không đáp ứng (nếu có);

d) Kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác.”.

9. Bổ sung Điều 39a như sau:

“**Điều 39a. Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

d) Bản chính văn bản xác nhận vốn;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời, hướng dẫn người đề nghị nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép.

4. Cá nhân, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép;

b) Không duy trì mức vốn tối thiểu liên tục trong quá trình hoạt động;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

d) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp;

đ) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, giá dịch vụ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

e) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

8. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành.

9. Cục Hàng không Việt Nam thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 như sau:

“2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay khi có các thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay, trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra đối chứng thực tế nếu cần thiết, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 44 như sau:

“3. Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận và triển khai cho các cơ quan, đơn vị có liên quan đến an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, có nêu rõ lý do.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 45 như sau:

"3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác, đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50 như sau:

"1. Người quản lý, khai thác thiết bị gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác thiết bị trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép trong đó giải trình rõ các nội dung sau: loại thiết bị; mục đích sử dụng; phạm vi, khu vực lắp đặt, hoạt động, tiêu chuẩn áp dụng; nhân lực khai thác thiết bị;

b) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của thiết bị nhập khẩu;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam;

d) Tài liệu hướng dẫn khai thác của nhà sản xuất;

đ) Biên bản hoàn thành các thủ tục lắp đặt, kiểm tra, kiểm định hệ thống;

e) Các hồ sơ, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng loại thiết bị (nếu có).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, quyết định cấp Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 60 như sau:

"2. Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp cấp lần đầu trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm theo danh sách nhân viên đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

c) 01 ảnh màu kích thước 3cm x 4cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho tổ chức đề nghị.

3. Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đề nghị cấp lại trong các trường hợp giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc hết thời hạn hiệu lực của giấy phép hoặc giấy phép bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi về tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên hàng không. Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kèm theo danh sách nhân viên đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), tài liệu chứng minh nhân viên được đào tạo định kỳ hoặc đào tạo phục hồi theo quy định;

c) 01 ảnh màu kích thước 3cm x 4cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

Trong thời hạn 18 ngày (đối với trường hợp giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày, giấy phép hết thời hạn hiệu lực) và 05 ngày làm việc (đối với trường hợp giấy phép bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch (đối với trường hợp giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày, giấy phép hết thời hạn hiệu lực), quyết định cấp lại giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại giấy phép cho tổ chức đề nghị. Đối với trường hợp cấp lại giấy phép khi giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thu hồi giấy phép cũ trước khi trả giấy phép mới.

4. Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm theo danh sách nhân viên đề nghị cấp bổ sung năng định theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho tổ chức đề nghị.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 64 như sau:

"8. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện việc diễn tập khẩn nguy sân bay định kỳ theo các cấp độ như sau:

a) Tổng diễn tập khẩn nguy sân bay phải được tổ chức thực hiện với tần suất không quá 02 năm/lần;

b) Diễn tập khẩn nguy sân bay cơ sở giữa hai lần tổng diễn tập để khắc phục những thiếu sót được phát hiện trong lần tổng diễn tập.".

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 76 như sau:

"Điều 76. Sân bay căn cứ của hãng hàng không trong nước

1. Sân bay được xác định là sân bay căn cứ của hãng hàng không trong nước khi:

a) Có cơ sở bảo dưỡng được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn cho hãng hoặc có hợp đồng bảo dưỡng với cơ sở bảo dưỡng đã được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn;

b) Đảm bảo bố trí tàu bay qua đêm cho hãng hàng không.

2. Các hãng hàng không trong nước làm việc với người khai thác cảng hàng không, sân bay nhằm xác định năng lực khai thác sân đỗ tàu bay phù hợp với nhu cầu lựa chọn sân bay căn cứ và nhu cầu bố trí vị trí đỗ tàu bay qua đêm của hãng.

3. Cục Hàng không Việt Nam xác định sân bay căn cứ của hãng hàng không trong nước trong quá trình xem xét cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận người khai thác tàu bay và tiến hành công bố sân bay căn cứ.".

17. Thay thế Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT bằng Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

18. Bổ sung Mẫu số 11, Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15 vào Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

2. Bãi bỏ Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Bãi bỏ Điều 50 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2020/TT-BGVTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Số thứ tự	Tên các mẫu đơn, quyết định, biên bản, hợp đồng
Mẫu số 03	Quyết định cho thuê đất
Mẫu số 11	Quyết định gia hạn cho thuê đất
Mẫu số 12	Tờ khai cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 13	Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 14	Đơn đề nghị cấp/cấp lại/bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 15	Báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay

Mẫu số 03

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../QĐ-CVM...	*....., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc .....

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN....

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Thông tư số ...../2020/TT-BGVTVT ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của *(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn cho thuê đất)*.....

Xét đề nghị của Phòng.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho..... (*ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được thuê đất*) thuê..... m^2 đất tại cảng hàng không/sân bay....., xã/phường/thị trấn....., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn thuê đất là....., kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số....., tỷ lệ... do..... lập ngày... tháng... năm... và đã được.... thẩm định.

Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

Giá cho thuê đất: được cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những hạn chế về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng đất: không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2. Giao..... có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa.

2. Thông báo cho tổ chức, cá nhân thuê đất về việc phối hợp làm việc với cơ quan có thẩm quyền xác định giá thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và ký hợp đồng thuê đất sau khi xác định được giá thuê đất.

3. Thực hiện các thủ tục chỉnh lý bản đồ địa chính cảng hàng không, sân bay..... và chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ quản lý đất tại cảng hàng không, sân bay.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng..... và tổ chức, cá nhân được thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

Mẫu số 11

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-CVM...	*....., ngày... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc.....

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN....

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Thông tư số ...../2020/TT-BGVTVT ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-CVM.... ngày.... tháng.... năm... của Cảng vụ hàng không miền..... về việc cho..... *(ghi tên tổ chức, cá nhân được cho thuê đất)* thuê đất;

Xét đề nghị của *(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn cho thuê đất)*.....

Xét đề nghị của Phòng.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho... *(ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất)* được tiếp tục thuê.... m^2 đất tại cảng hàng không/sân bay..., xã/phường/thị trấn.....,

huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn thuê đất là...., kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ....., tỷ lệ... do..... lập ngày... tháng... năm... và đã được Cảng vụ hàng không miền..... chấp thuận tại Quyết định cho thuê đất số.....

Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

Giá cho thuê đất: được cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những hạn chế về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng đất: Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2. Giao..... có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất về việc phối hợp làm việc với cơ quan có thẩm quyền xác định giá thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và ký hợp đồng thuê đất sau khi xác định được giá thuê đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng..... và tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	
V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	*...., ngày... tháng... năm...*

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- .....;
- ..... .

Mẫu số 13

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..... /GPKDCHK-CHK	

GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Cấp lần đầu:.....

Cấp lần thứ hai:.....

Cấp lần thứ ba:.....

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:

.....

.....

SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

.....

.....

GHI CHÚ:

.....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....	**CỤC TRƯỞNG**

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*...., ngày... tháng... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty *(có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo thể hiện các thông tin của nhân viên gồm họ và tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước, các chứng chỉ chuyên môn đã được cấp, số giấy phép nhân viên hàng không đã được cấp).*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:... /BC- ... [2]	*...[3]...., ngày... tháng... năm....*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Năm...

Kính gửi:....[4]

I. Tình hình thực hiện quy hoạch tại cảng hàng không, sân bay

1. Tình hình triển khai quy hoạch đã được phê duyệt của các cơ quan, đơn vị có liên quan

2. Kết quả đạt được

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

II. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận: - ..... [5]; - .....; - Lưu: ...[6]...[7].	**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, đơn vị)* **Họ và tên**

**** Ghi chú:***
[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
[4] Cơ quan nhận báo cáo;
[5] Nơi nhận báo cáo;
[6] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
[7] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành